

Số: /CT-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 7 năm 2026

CHỈ THỊ
Về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027

Năm 2026, tình hình thế giới tiếp tục biến động khó lường, đặc biệt là xung đột tại Trung Đông gây biến động thị trường năng lượng, gia tăng áp lực lạm phát toàn cầu; biến đổi khí hậu, thiên tai, an ninh lương thực tiếp tục diễn biến phức tạp; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có những bước phát triển mạnh mẽ.

Năm 2027 là năm thứ hai triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương¹, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, là năm bản lề củng cố nền tảng để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số. Dự báo tình hình thế giới khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi; trong nước, nền kinh tế vừa phải giải quyết các vấn đề nội tại, vừa thực hiện các nhiệm vụ có tính đột phá, mở đường và thích ứng hiệu quả với bối cảnh toàn cầu mới.

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ², Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương tập trung triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2027 với các nội dung sau:

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2027

I. YÊU CẦU

1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTXH của Trung ương, Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về phát triển KTXH năm 2026.

b) Đánh giá đúng, thực chất, khách quan, trung thực, sát thực tiễn và có so sánh với năm 2025 về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2026, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH 06 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2026; phân tích, đánh giá các kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân chủ quan, khách quan; đề ra nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá trong những tháng cuối năm để thực hiện thành công kế hoạch năm 2026.

¹ Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số”.

² Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027.

2. Đối với xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2027

a) Kế hoạch năm 2027 được xây dựng trên cơ sở đánh giá thực chất kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2026; dự báo bối cảnh, tình hình thế giới, trong nước và trên địa bàn tỉnh, chủ động các giải pháp đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, hướng tới tăng trưởng nhanh, bền vững, bao trùm, mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp; cần có tầm nhìn, tư duy đột phá để tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, khắc phục tồn tại, hạn chế.

b) Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, các đề án dự kiến trong năm 2027 phải bám sát, cụ thể hóa các định hướng đã được đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030, các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương... gắn với sản phẩm cụ thể, trách nhiệm rõ ràng và đánh giá dựa trên kết quả thực hiện.

Định hướng phát triển tập trung vào tăng trưởng hai con số gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; xác lập mô hình tăng trưởng mới lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; nâng cao năng suất, sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh các đột phá chiến lược; tăng cường hội nhập quốc tế; bảo đảm an sinh xã hội, phát triển văn hóa - xã hội và giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị.

c) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, địa phương phải phù hợp với quy hoạch tỉnh (điều chỉnh) và các quy hoạch có liên quan, các chương trình, nghị quyết, kế hoạch của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 của tỉnh và kế hoạch 5 năm của địa phương; thúc đẩy liên kết vùng, phát triển các vùng động lực và cực tăng trưởng của tỉnh phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phải thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia³, không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; có tính so sánh với dữ liệu quá khứ; gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và phù hợp với hệ thống chỉ tiêu về KTXH 5 năm 2026-2030.

đ) Việc tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 phải bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương.

³ Trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải có định nghĩa, khái niệm, phương pháp tính rõ ràng, phù hợp với quy định; đảm bảo tính chính xác, đồng bộ, thống nhất về thông tin, số liệu thống kê, phục vụ công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; bảo đảm nguồn lực thực hiện trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2026

Trên cơ sở kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026, các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý, cụ thể:

a) Đánh giá bối cảnh, tình hình quốc tế, trong nước, trong tỉnh; những yếu tố thuận lợi và khó khăn tác động việc hoàn thành các mục tiêu chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 (trong đó có tác động của xung đột tại khu vực Trung Đông).

b) Các địa phương đánh giá tình hình thực hiện theo các chỉ tiêu tăng trưởng, mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân cấp xã về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026. Các sở, ban, ngành, địa phương đánh giá việc thực hiện mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu, việc triển khai các nhiệm vụ được giao tại: 10 Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị⁴ và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 10 Nghị quyết; các nghị quyết của Chính phủ⁵; các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy⁶; các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh⁷; các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh⁸. Trong đó yêu cầu

⁴ Số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước; số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam; số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

⁵ Số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 168/NQ-CP ngày 27/6/2026 về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phần đầu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô...

⁶ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/3/2026 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV; Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 05/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Kết luận số 04-KL/TU ngày 05/12/2025 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2026; Kết luận số 11-KL/TU ngày 09/02/2026 về điều chỉnh nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026...

⁷ Số 821/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030 tỉnh Hưng Yên; số 788/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; số 824/NQ-HĐND ngày 10/02/2026 về điều chỉnh nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; số 789/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi ngân sách địa phương năm 2026; số 790/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026; số 791/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026...

⁸ Kế hoạch hành động số 132/KH-UBND ngày 11/12/2025 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động số 06-CTr/ĐU ngày 18/3/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kế hoạch hành động số 190/KH-UBND ngày 25/6/2026 thực hiện Nghị quyết

báo cáo, làm rõ các nội dung sau:

(1) Các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; kết quả công tác điều hành tín dụng, lãi suất, tỷ giá; thu - chi NSNN; điều hành giá; các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí; triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TW, thu hút FDI; phát triển thị trường tài chính; thúc đẩy thương mại; tạo đột phá các động lực tăng trưởng mới; xây dựng và triển khai chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia...

(2) Tình hình thực hiện đột phá chiến lược về thể chế và thực thi pháp luật; triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 24-KL/TW của Bộ Chính trị; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; tổng rà soát hệ thống pháp luật; hoàn thiện quy định về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

(3) Đánh giá công tác sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; hiệu quả phân cấp, phân quyền cho cấp xã; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xử lý tài sản công dôi dư sau sắp xếp; triển khai Kết luận số 210-KL/TW và Nghị quyết số 105/NQ-CP về hoàn thiện tổ chức bộ máy.

(4) Kết quả thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành. Kết quả triển khai các Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị; cơ cấu lại các tổ chức tín dụng...

(5) Tình hình thực hiện đột phá chiến lược về kết cấu hạ tầng; tiến độ triển khai các dự án quan trọng, trọng điểm, hạ tầng liên vùng, đô thị; rà soát, điều chỉnh quy hoạch; triển khai Nghị quyết số 70-NQ/TW; phát triển hạ tầng dự trữ quốc gia và hạ tầng năng lượng bảo đảm an ninh năng lượng.

(6) Tình hình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kết quả phát triển Chính quyền số, thực hiện Đề án 06, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia. Tình hình thực hiện đột phá về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 71-NQ/TW; triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035.

(7) Kết quả đạt được trong công tác phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Đánh giá kết quả triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW, số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội về phát triển văn hóa, chăm sóc sức khỏe nhân dân; kết quả thực hiện Đề án xây dựng 1 triệu căn nhà ở xã hội năm 2026; tình hình triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, chăm sóc sức khỏe dân số và phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2035.

số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 05/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 10/01/2026 về điều hành phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Công văn số 1261/UBND-TH ngày 14/3/2026 về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Công văn số 4139/UBND-TH ngày 02/7/2026 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP, số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ...

(8) Kết quả công tác quản lý, sử dụng tài nguyên; ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường; huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Tiến độ triển khai công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

(9) Kết quả công tác củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; công tác đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng; tăng cường phòng cháy chữa cháy, bảo đảm an toàn giao thông. Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống ma túy đến năm 2030.

(10) Kết quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế và tình hình triển khai Nghị quyết 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; công tác thúc đẩy ngoại giao kinh tế, trọng tâm là ngoại giao công nghệ, ngoại giao đa phương...

(11) Hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận.

2. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027

Các sở, ban, ngành, địa phương nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027, trong đó tập trung:

a) Đánh giá bối cảnh, tình hình quốc tế, trong nước, trong tỉnh; những yếu tố thuận lợi và khó khăn tác động việc hoàn thành các mục tiêu chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2027.

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027.

c) Các chỉ tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn: Các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, địa phương cần rõ ràng, có định lượng, phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm việc thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 5 năm 2026-2030 tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các kế hoạch, chương trình của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương..., nhất là phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 10-11%/năm, phấn đấu đạt trên 11%/năm.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

- Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; phối hợp chặt chẽ, linh hoạt chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác; điều hành tín dụng, lãi suất, tỷ giá phù hợp với diễn biến thị trường, kinh tế vĩ mô, lạm phát. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; đẩy nhanh giải ngân đầu tư công. Thúc đẩy, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, khai thác mạnh các động lực mới.

- Tiếp tục đẩy nhanh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng KTXH đồng bộ, hiện đại, nhất là các công trình quan trọng, trọng điểm, các trục giao thông xương sống, huyết mạch xuyên suốt từ phía Bắc tới phía Nam tỉnh và các tuyến

đường kết nối với các vùng động lực, trung tâm phát triển trong vùng đồng bằng sông Hồng; khai thác hiệu quả không gian phát triển mới. Phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng dự trữ quốc gia, hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng văn hóa, giáo dục...

- Tập trung đẩy mạnh đột phá chiến lược về thể chế và thực thi pháp luật; triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, trọng tâm là pháp luật về đầu tư, kinh doanh, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh... Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 02 cấp. Đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức trên cơ sở tiến độ, chất lượng công việc, thái độ phục vụ và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, nhất là cấp xã; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Phát triển mạnh mẽ các thành phần của nền kinh tế. Tiếp tục triển khai hiệu quả các Nghị quyết số 68-NQ/TW, số 79-NQ/TW và số 10-NQ/TW. Tiếp tục tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển kinh tế số, xã hội số, Chính phủ điện tử; đẩy mạnh quản lý tài sản số...

- Tạo đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Quyết liệt triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 193/2025/QH15 của Quốc hội; đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu, đưa dữ liệu thành tài nguyên.

- Tiếp tục thúc đẩy đột phá phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Quốc hội; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo ở các cấp học. Đẩy mạnh phát hiện, thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, 80- NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa và nâng cao sức khỏe nhân dân. Bảo đảm an sinh xã hội; tăng tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo...

- Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai. Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là ngoại giao kinh tế; phát huy vai trò, vị thế, uy tín của đất nước. Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác truyền thông chính sách, pháp luật, thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2027.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2027

Các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tập trung xây dựng dự toán bám sát mục tiêu phát triển KTXH của địa phương, dự toán ngân sách địa phương (NSDP) năm 2027 đảm bảo cân đối đủ nguồn lực để thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền ban hành; ưu tiên nguồn cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Việc thực hiện dự toán NSDP các cấp năm 2027 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Năm 2027 là năm đầu tiên thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đầy đủ theo quy định của Luật NSNN. Trên cơ sở dự toán chi cân đối NSDP được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN trong giai đoạn 2027-2030 và vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030 theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Dự toán thu NSNN năm 2027 xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, bảo đảm bao quát, thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN; đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2026 làm cơ sở xây dựng dự toán thu NSNN năm 2027; tính toán, lượng hóa cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về ngân sách, thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế, bám sát diễn biến tình hình kinh tế, tài chính trong nước. Xây dựng phương án phân chia nguồn thu theo quy định của Luật NSNN 2025.

Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2027 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) bình quân tăng khoảng 13-15% so với đánh giá ước thực hiện năm 2026 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh trên địa bàn. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2027 tăng bình quân khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2026.

Toàn bộ số thu từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm cả thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng), thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về dự toán chi ngân sách địa phương

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2027 căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách năm 2027; bám sát mục tiêu, định hướng của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026 - 2030 và nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2027 của

địa phương; đồng thời, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách do trung ương và địa phương ban hành theo thẩm quyền, tổ chức xây dựng dự toán chi NSDP theo đúng quy định của Luật NSNN, bảo đảm cơ cấu chi hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách. Trong đó, rà soát ưu tiên chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng chủ trương tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, các kế hoạch, thông báo của Ban Chỉ đạo tỉnh.

Dự toán chi NSNN năm 2027 có đầy đủ căn cứ chính trị, pháp luật, thực tiễn, cơ sở tính toán rõ ràng, lộ trình triển khai, kết quả dự kiến đạt được, đảm bảo khả thi, hiệu quả; gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực. Yêu cầu triệt để tiết kiệm, cắt giảm các nội dung, nhiệm vụ chi không cần thiết, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác nước ngoài; giảm dần mức hỗ trợ trực tiếp từ NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu khá. Đặt hàng các đơn vị sự nghiệp công lập có điều kiện và một số doanh nghiệp đặc thù cung cấp dịch vụ công thiết yếu; đấu thầu rộng rãi cung cấp các dịch vụ công có tính cạnh tranh.

Tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN để giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; ưu tiên nguồn lực thực hiện các mục tiêu đột phá, nhiệm vụ chính trị quan trọng được Đảng, Nhà nước quyết định, các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng; dành nguồn phù hợp với khả năng cân đối NSNN để thực hiện điều chỉnh tiền lương khu vực công, điều chỉnh lương hưu (phần NSNN bảo đảm), chính sách ưu đãi đối với người có công, bảo trợ xã hội.

Đối với các chính sách, chế độ, các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án mới, các chủ trương đang trình cấp có thẩm quyền, tuân thủ nghiêm nguyên tắc chỉ ban hành khi đã rà soát tính cần thiết, hiệu lực, hiệu quả, không trùng lặp, có lộ trình triển khai rõ ràng, dự kiến được kết quả thực hiện và trong phạm vi nguồn lực NSNN đã được cơ quan tài chính cân đối, có ý kiến.

Trong đó, lưu ý một số nội dung như sau:

a) Về chi đầu tư phát triển

- Đối với chi đầu tư công: Bám sát các mục tiêu, định hướng của trung ương. Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với quy định của pháp luật, khả năng cân đối của NSNN, gắn với các yêu cầu và kết quả thực hiện, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải đảm bảo về sự cần thiết, hạch toán KTXH, đánh giá hiệu quả đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch có liên quan và khả năng thực hiện, giải ngân khi đăng ký nhu cầu vốn đối với từng dự án, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải; ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ, dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng, các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án theo Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã có tác động lan tỏa, ý nghĩa quan trọng đối với phát triển KTXH của tỉnh được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030. Đảm bảo số lượng dự án giai đoạn 2026-2030 giảm tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021-2025.

- Đối với chi đầu tư phát triển khác: Dự toán chi NSNN đầu tư vào các doanh nghiệp theo Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị, pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và quy định của cấp có thẩm quyền.

b) Dự toán chi tiền lương, phụ cấp các khoản đóng góp, chế độ, chính sách theo chính sách, chế độ năm 2027 và biên chế về bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, trong đó chi tiết số giảm quỹ lương, giảm chi bộ máy gắn với chi lương, chi hoạt động bộ máy, tinh giản biên chế.

c) Giảm dần hỗ trợ chi thường xuyên trực tiếp từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở: (i) Các đơn vị nâng cao hơn nữa mức độ tự chủ về tài chính và tổ chức bộ máy; NSNN chỉ hỗ trợ chi thường xuyên theo phân loại mức độ tự chủ tài chính và dự toán thu, chi hằng năm của đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 và 4, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; (ii) Đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ chế từ hỗ trợ trực tiếp sang đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu cung cấp dịch vụ là chủ yếu, (iii) Rà soát, thu gọn đầu mỗi đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Trung ương, các kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn bộ máy của Trung ương và Chương trình hành động của Chính phủ triển khai các Kết luận của Trung ương.

d) Đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia: Lập dự toán chi NSNN (đầu tư, thường xuyên) thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia phải tuân thủ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư từng Chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các quy định có liên quan; bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, công khai, minh bạch, không trùng lặp, sát khả năng thực hiện, giải ngân, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách.

đ) Đối với bội chi, vay và trả nợ NSDP: Mức bội chi ngân sách cấp tỉnh đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về NSNN, pháp luật về quản lý nợ công và quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phải đánh giá toàn diện tác động của nợ NSDP, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn trước khi quyết định vay mới. Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch bố trí kế hoạch vốn năm 2027 cho các dự án đang triển khai, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan hoàn thiện thủ tục, ký kết hiệp định cho các dự án mới đã đủ điều kiện; xây dựng kế hoạch vay, bội chi phù hợp với khả năng giải ngân thực tế.

e) Về dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Trung ương: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định.

g) Khi lập dự toán đối với các nội dung tại mục 2 phần B này, cần cụ thể

hóa mức NSNN bố trí cho chương trình, dự án, nội dung, nhiệm vụ phát triển giáo dục - đào tạo và dạy nghề, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển văn hóa, chi công tác xây dựng pháp luật (cả chi đầu tư và chi thường xuyên) theo chủ trương của Đảng, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về nội hàm phạm vi chi NSNN cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong đó, chi tiết các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và kinh phí tương ứng phục vụ các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, xây dựng văn bản pháp luật, y tế, văn hóa.

h) Đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2027

1. Sở Tài chính xây dựng hướng dẫn chi tiết đề cương báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 của tỉnh gắn với phân công nhiệm vụ, tiến độ báo cáo cụ thể đối với các sở, ban, ngành, địa phương.

2. Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan căn cứ thông báo số liệu GRDP ước tính năm 2026 của Cục Thống kê (Công văn số 1809/CTK-TKQG ngày 29/6/2026) để xây dựng, phân tích diễn biến tăng trưởng và các số liệu thống kê phục vụ xây dựng các chỉ tiêu phát triển KTXH năm 2027; hoàn thành **trước ngày 06/7/2026**.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương trên cơ sở số liệu của Thống kê tỉnh, xây dựng báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; gửi Sở Tài chính **trước ngày 08/7/2026** để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thống kê tỉnh và sở, ban, ngành liên quan xây dựng phương án tăng trưởng kinh tế năm 2027; tổng hợp, dự thảo báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày **10/7/2026** để gửi Bộ Tài chính.

5. Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành hoàn thiện dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 và xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **trong tháng 11/2026** để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. VỀ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2027

1. Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể về nội dung, tiến độ xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 và Kế hoạch đầu tư công năm 2027 phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Nội vụ khẩn trương tham mưu trình cấp có thẩm quyền xác định

biên chế công chức và số lượng viên chức hưởng lương từ NSNN năm 2027 của các sở, ngành và các địa phương gắn với việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy làm cơ sở đề xuất dự toán NSNN năm 2027 gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng dự toán NSNN năm 2027 đảm bảo quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể;
- Các công ty có vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Quyền